

166/2022 – VIỆT NAM – VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – LUỒNG SÀI GÒN – VỮNG TÀU – Độ sâu

Nguồn: Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam, thông báo số 272/TBHH-TCTBĐATHHMN

Hải đồ ảnh hưởng – VN4SG003 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 08 tháng 12 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	14 ₅	10°40'38.88"N	106°46'28.81"E
		10 ₁	10°40'43.67"N	106°46'36.91"E
		15 ₃	10°40'39.79"N	106°46'33.39"E
Xoá	Độ sâu	10 ₂	10°40'39.77"N	106°46'40.19"E
		9 ₂	10°40'46.29"N	106°46'34.95"E
		14 ₄	10°40'39.40"N	106°46'26.16"E
		16	10°40'39.88"N	106°46'34.00"E

Hải đồ ảnh hưởng – VN3GR001 (Phiên bản 2, cập nhật Ngày 08 tháng 12 năm 2022)

Chèn	Độ sâu	14 ₅	10°40'38.88"N	106°46'28.81"E
Xoá	Độ sâu	14 ₄	10°40'39.40"N	106°46'26.16"E

(Tất cả các vị trí được tham chiếu theo Hệ tọa độ WGS 84)

166/2022 – VIET NAM – HO CHI MINH CITY SEA PORT WATER – SAI GON – VUNG TAU CHANNEL – Depth

Source: Southern Viet Nam Maritime Safety, Notice No.272/TBHH-TCTBĐATHHMN

Chart affected – VN4SG003 (Edition No. 2, updated on December 8th, 2022)

Insert	Depth	14 ₅	10°40'38.88"N	106°46'28.81"E
		10 ₁	10°40'43.67"N	106°46'36.91"E
		15 ₃	10°40'39.79"N	106°46'33.39"E
Delete	Depth	10 ₂	10°40'39.77"N	106°46'40.19"E
		9 ₂	10°40'46.29"N	106°46'34.95"E
		14 ₄	10°40'39.40"N	106°46'26.16"E
		16	10°40'39.88"N	106°46'34.00"E

Chart affected – VN3GR001 (Edition No. 2, updated on December 8th, 2022)

Insert	Depth	14 ₅	10°40'38.88"N	106°46'28.81"E
Delete	Depth	14 ₄	10°40'39.40"N	106°46'26.16"E

(All positions are affected to WGS 84 Datum)
